TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 174/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 8 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nam Văn

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy và ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXX- ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ph - sinh năm 1995.(có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc M - sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trần Thị Ph yêu cầu giải quyết vụ án với bị đơn anh Lê Ngọc M như sau:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ph và anh Lê Ngọc M, tự nguyện kết hôn vào năm 2015, việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã V nay là xã Th, huyện H, Thanh Hóa, cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cải vã với nhau, tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc. Trong cuộc sống anh M còn hay rượu

chè và có hành vi bạo lực với vợ con, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh M không thay đổi tính tình nên chị Ph đã bế cháu thứ hai về nhà ngoại sinh sống từ tháng 4/2022 cho đến nay vợ chồng sốn ly thân. Nay chị Ph xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị Trần Thị Ph và anh Lê Ngọc M có 02 con chung. Cháu đầu tên là Lê Khánh L, sinh ngày 27/9/2016; cháu thứ hai tên là Lê Hoàng A, sinh ngày 09/5/2021. Nay nguyện vọng của chị Ph xin được nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng A, còn cháu Lê Khánh L do cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không đề nghị phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn anh Lê Ngọc M, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh có quan điểm trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ph là vợ chồng, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện H vào ngày 11/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do tính tình vợ chồng hay xung khắc, chị Ph không muốn làm việc tại nhà mà chỉ muốn đi làm việc Công ty, nên đã nhiều lần anh M góp ý chị Ph về công việc để chị Ph làm việc ở nhà vừa trông con vừa phụ giúp công việc cho anh, vì gia đình anh có cửa hàng buôn bán ở nhà, còn anh làm nghề lái xe chở hàng, hơn nữa con cái đang nhỏ nên chị mà đi làm công ty sẽ không phù hợp. Tuy nhiên chị Ph cứ đòi đi làm công ty nên phát sinh mâu thuẫn, đôi khi anh có nóng nảy nên có đánh chị Ph nhưng chỉ là đánh nhẹ. Nay chị Ph đã bỏ về ngoại sinh sống từ khoảng cuối tháng 5/2022 cho đến nay, anh mong muốn chị Ph rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị Ph cương quyết ly hôn thì anh vẫn không đồng ý vì con cái đang còn nhỏ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Lê Khánh L và cháu Lê Hoàng A. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Khánh L, còn cháu Lê Hoàng A được giao cho chị Ph nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ph, anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nơi anh, chị cư trú. Trưởng thôn Tinh Hoa cho biết: Anh M và chị Ph kết hôn năm 2015, sau khi cưới vợ chồng cùng nhau làm ăn và sinh sống nơi khác, khoảng 2- 3 năm nay thì về địa phương làm ăn. Trong suốt quá trình vợ chồng chung sống không thấy bộc lộ mâu thuẫn của vợ chồng ra bên ngoài, còn giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, xích mích gì với nhau ở bên trong nội bộ gia đình thì ông không rõ, chỉ biết chị Ph bế con nhỏ về ngoại ở từ khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2022 đến nay không thấy về.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ph, xử cho chị Ph được ly hôn với anh Lê Ngọc M.

Về yêu cầu nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Khánh L cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Lê Hoàng A cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Ph phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện H có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Chị Trần Thị Ph và anh Lê Ngọc M, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, việc kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm các quy định về độ tuổi, về điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Năm 2015, anh M và chị Ph kết hôn với nhau và chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân xuất phát từ việc tính tình vợ chồng không hòa thuận, hay cãi vã lẫn nhau, thậm chí còn dẫn tới xô sát. Đặc biệt là nhu cầu việc làm và quyền lựa chọn công việc thích hợp của chị Ph, nhưng anh M không đồng ý cho chị Ph đi làm công ty, nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, bằng chứng là chị Ph đã bỏ về bên ngoại sinh sống từ tháng 5 năm 2022 mà không còn tha thiết gắn bó tình cảm vợ chồng với anh M. Quá trình giải quyết vụ án, anh M có quan điểm không đồng ý ly hôn, nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn và thể hiện mối quan hệ tình cảm vợ chồng mà chị Ph còn yêu thương anh, thay vào đó là chị Ph và anh đã sống ly thân, hai bên không còn quan hệ lệ thuộc về kinh tế, tình cảm với nhau. Nay dù anh không chấp nhận lý do ly hôn của chị Ph thì trên thực tế chị Ph đã không còn tình cảm với anh và không còn mong muốn duy trì đời sống hôn nhân vợ chồng. Như vậy, có căn cứ để chứng minh, mâu thuẫn phát sinh giữa chị Ph và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ph đối với anh M là phù hợp tình trạng hôn nhân của anh, chị như hiện nay.

[4]. Về nguyện vọng nuôi con chung: Chị Trần Thị Ph và anh Lê Ngọc M có 02 con chung như trình bày trên. Nay nguyện vọng nuôi con là phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của mỗi bên. Do đó cần giao cháu Lê Khánh L, sinh ngày 27/9/2016 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 09/5/2021, cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Anh M, chị Ph có quyền qua lại, thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Ph, anh M không ai yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên miễn xét.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Ph phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này sẽ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ph, xử cho chị Ph được ly hôn với anh Lê Ngọc M;

Về con chung: Công nhận chị Trần Thị Ph và anh Lê Ngọc M có 02 con chung là cháu Lê Khánh L, sinh ngày 27/9/2016 và cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 09/5/2021. Giao cho anh M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Khánh L; giao cháu Lê Hoàng A, cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh, chị không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh M và chị Ph có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Ph phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này sẽ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số: AA/2021/ 0009116 ngày 20/7/2022 tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện H. (chị Ph đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử công khai có mặt các đương sự, chị Ph, anh M được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện H;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện H .
- UBND xã Th, huyện H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi